

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2021/HSPT
Ngày 23-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**.

Ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 23-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/TLPT-HS ngày 05-10-2021 đối với bị cáo **Trần Hữu B**, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của các bị cáo đồng phạm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Trần Hữu B, sinh ngày 22-4-1999, tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P2, xã I, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Văn S, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Đ1 (đã chết).

Tiền sự: Ngày 06-7-2020, bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tấn N, sinh ngày 02-10-1998, tại tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P3, xã I2, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Tấn S1, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Như Th, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2016/HSPT ngày 15-9-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 20 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22-01-2018).

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3. Siu D (tên gọi khác: Vít), sinh ngày 10-02-2001, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P4, xã A1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Jrai; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lương Văn K1, sinh năm 1976 và bà Siu H'D2, sinh năm 1979.

Tiền sự: Ngày 06-7-2020, bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức L, sinh ngày 04-02-1999, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P5, xã I3, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1973 và bà Đào Thị Tuyết Nh, sinh năm 1974.

Tiền sự: Ngày 06-7-2020, bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28-6-1999, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 7, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1964; vợ là Phạm Thị Ngọc A2, sinh năm 1999 và 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

6. Dương Quang Đ, sinh ngày 25-01-1999, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 5, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Dương Văn H6, sinh năm 1970 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2016/HSPT ngày 15-9-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01-02-2018).

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

7. Dương Quang Tr, sinh ngày 07-6-1999, tại, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 11, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Dương Văn H7, sinh năm 1973 và bà Trịnh Thị Ph, sinh năm 1977; vợ là Vũ Thị Thảo Nh1, sinh năm 1999 và có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền sự: Ngày 06-7-2020, bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Ngày 22-9-2017, bị Công an huyện P1 xử phạt hành chính 350.000 đồng về hành vi Đánh nhau.

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, (tên gọi khác: Tò), sinh ngày 05-11-1994 tại Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 4, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1963 và bà Lê Thị L3, sinh năm 1964; vợ là Phan Thị Thanh L4, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2015.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 26-11-2018, Tòa án nhân dân huyện P1 xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng (Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 26-5-2020).

Bị cáo bị bắt ngày 16-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

2. Phạm Sĩ V, sinh ngày 09-7-1998, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P7, xã I5, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Sĩ B1, sinh năm 1975 và bà Lại Thị S2, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 10-01-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng (Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 10-01-2020).

Bị cáo bị bắt ngày 10-8-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

3. Phạm Cao K, sinh ngày 08-8-2002, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ3, xã A1, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Quốc L4, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị L5, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Ksor H1, sinh ngày 15-7-1996, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P6, xã I, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Jrai; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Siu W, sinh năm 1954 và bà Ksor H7, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Rmah Kh, sinh ngày 20-5-1998, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở:

Thôn P7, xã I3, huyện P1, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Jarai; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Siu W1, sinh năm 1972 và bà Rmah H'D5, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo không kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức L, Dương Quang Tr:

Luật sư **Nguyễn Mạnh H2** - Văn phòng Luật sư H3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ:

Luật sư **Tổng Đức Ng** - Văn phòng Luật sư H3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu B:

Luật sư **Mai Văn T2** - Văn phòng Luật sư Mai Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn N:

Luật sư **Đinh Thị Yên H4** - Văn phòng Luật sư T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Văn Đức Siu H1**, sinh năm 1998 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Siu H'L, sinh năm 1980 (mẹ ruột bị hại); địa chỉ cư trú: Làng P8, xã I, huyện P1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Chị Rmah H'P, sinh năm 2000 (là vợ bị hại); địa chỉ cư trú: Làng P9, xã I, huyện P1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Đại diện Đoàn thanh niên xã A1, huyện P1, tỉnh Gia Lai theo quy định Điều 420 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ông Phạm Nguyên H5 - Bí thư Đoàn xã A1, vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng Jarai: Bà Nay H'H6; địa chỉ cư trú: Làng T3, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

(Vụ án có 16 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và 07 người làm chứng, nhưng không liên quan đến kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 07-8-2020, nhóm của anh Văn Đức Siu H1, Ksor H1, Rmah Kh, Ksor Th3, Nguyễn Văn Nh3 đến tiệm bánh mì của chị Nguyễn Thị Diệp (Tổ dân phố 4, thị trấn P1) mua bánh mì, thì gặp Trần Hữu B và Phạm Cao K

đi ngang qua. Tại đây, hai bên xảy ra thách thức đánh nhau. Do đó, Trần Hữu B điều khiển xe mô tô chở K về nhà trọ (số 53 Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1) để lấy kiếm, gậy gỗ, gậy ba khúc và gọi thêm Siu D đi đánh nhau với nhóm của Ksor H1.

Khi đi, Trần Hữu B cầm một gậy gỗ (dài 81 cm) rồi điều khiển xe mô tô chở Phạm Cao K cầm kiếm, gậy ba khúc, còn Siu D cầm dao mèo (dài 44 cm). Cả nhóm quay lại quán bánh mì để tìm đánh nhóm của Ksor H1. Đến nơi, B, D và K xuống xe cầm hung khí đi lại chỗ nhóm Ksor H1 hỏi: “*Nãy bọn mày chủ gì vậy*” rồi B cầm gậy gỗ lao đến đánh một cái vào đầu Kh, bị đánh Kh chạy ra xe Yamaha Exciter rút một con dao rựa (dài 59 cm) ở bộ xe. H1 thấy Kh bị đánh cũng chạy lại chỗ Kh nhặt con dao rựa (dài 59 cm) bị rút ra khỏi xe của Kh rồi cùng Kh đuổi đánh nhóm K về hướng Trung tâm hành chính huyện P1. H1 đuổi theo K, còn Kh đuổi theo Siu D và Trần Hữu B. Khi bị H1 đuổi gần đến nơi, K quay lại vung kiếm (dài 96 cm) chém H1 một cái, làm H1 ngã xuống đường, nhưng H1 vùng dậy được rồi chém một nhát vào mặt K, sau đó H1 bỏ chạy và gọi Kh. Lúc này, Kh bị B dùng gậy gỗ đánh vào đầu và người, nghe H1 gọi thì bỏ chạy lại chỗ Th3 và Siu H1 đứng đợi tại ngã ba Nguyễn Tất Thành. Sau đó, H1 và Kh được Th3 và Siu H1 chở về nhà H1

Do Phạm Cao K bị thương, nên được Siu D điều khiển xe mô tô chở đến Trung tâm y tế huyện P1 cấp cứu. Sau đó, được anh Dương Văn H và chị Phan Thị Thanh Loan chở đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân y 211 tại thành phố Pleiku. Đến ngày 11-8-2020, thì K xuất viện.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng gồm: Nguyễn Văn T, Trần Hữu B, Phạm Sĩ V, Siu D, Nguyễn Đức L và Nguyễn Thanh H tụ tập tại số nhà 53 Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1 rồi rủ nhau đi tìm nhóm của Ksor H1 đánh trả thù cho Phạm Cao K. H điều khiển xe mô tô chở T cầm một cây gậy gỗ, L điều khiển mô tô chở Siu D cầm một cây tuýp sắt, còn B cầm dao điều khiển xe mô tô chở V cầm một cây gậy gỗ. Sau đó, cả nhóm đi về hướng thị xã A3 tìm nhóm của H1.

Do không tìm được nhóm của Ksor H1, nên nhóm của Nguyễn Văn T quay lại số nhà 53 Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1 thì gặp Dương Quang Đ và Dương Quang Tr. Cả nhóm nói chuyện với nhau về việc Phạm Cao K bị nhóm người đồng bào chém, nhưng khi đi tìm đánh trả thù thì không thấy. Lúc này, T nói để T lấy xe ô tô đi tìm, chứ đi xe mô tô bọn nó thấy trốn mất.

Nguyễn Đức L điều khiển xe mô tô chở T đến nhà anh Mai Văn Tám mượn xe ô tô tải, biển kiểm soát 81M-1470, nói dối đi chở cây cảnh. Do trước đây T hay thuê xe đi chở đồ, nên khi T hỏi mượn xe ô tô thì anh Tám cho mượn. Trong khi T đi mượn xe ô tô, Trần Hữu B, Siu D, Nguyễn Thanh H và Dương Quang Tr chuẩn bị hung khí gồm dao, gậy gỗ, ống sắt, gạch... tại nhà số 53 Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1. Còn Phạm Sĩ V điều khiển xe mô tô chở Dương Quang Đ đến nhà Nguyễn Tấn N đang ở trọ tại thị trấn P1 lấy hung khí là hai cây tuýp sắt và một cây sắt trên đầu có gắn dao nhọn (dao phóng lộn). Khi biết Đ và V lấy hung khí chuẩn bị đi đánh trả thù cho K, thì N xin tham gia. Vì vậy, V điều khiển xe chở Đ và N cùng mang theo hung khí quay lại số nhà 53, Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1.

Khi Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô tải quay lại nhà số 53, Nguyễn Tất Thành, thị

trần P1 thì lấy một cái cào đem lên xe và cùng Trần Hữu B, Phạm Sĩ V, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr mang theo hung khí (dao, gậy, ống sắt...) lên xe ô tô rồi T điều khiển xe ô tô đi tìm nhóm của Văn Đức Siu H1 để đánh trả thù cho K.

Nhóm Ksor H1, sau khi quay về nhà H1 tại làng Plei Tel Lớn, xã I, huyện P1, tỉnh Gia Lai thì phát hiện do bị mất dép ở khu vực đánh nhau với nhóm Phạm Cao K, nên Kh rủ cả nhóm quay lại đó để tìm dép. Kh lấy 01 khẩu súng tự chế và 01 viên đạn loại súng bắn bi, còn Siu H1 lấy một con dao rựa đưa cho Kh. Sau đó, Th3 chở H1, Kh chở H1 quay lại Trung tâm hành chính huyện P1. Khi đi đến đoạn kênh mương N7 thuộc thị trấn P1, thì cả nhóm dừng lại và quay xe định đi về.

Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 08-8-2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô tải chở Trần Hữu B, Phạm Sĩ V, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr mang theo hung khí (H ngồi trên cabin, 07 đối tượng còn lại ngồi trên th1 xe tải) để tìm nhóm Ksor H1. Khi T điều khiển xe ô tô đi trên Quốc lộ 25 (theo hướng Pleiku đi A3), thì phát hiện nhóm của H1 đi ngược chiều, T liền điều khiển xe ô tô quay đầu lại đuổi theo. Khi thấy nhóm của H1 đang dừng bên phải Quốc lộ 25, hướng từ Ayunpa đi thành phố Pleiku (trước tiệm tạp hóa Thảo Trang), T điều khiển xe ô tô tải tông từ phía sau trúng vào đuôi xe của Siu H1, làm H1 và Kh ngã xuống đường. Ngay lập tức, nhóm của T ngồi sau thùng xe tải cầm hung khí nhảy xuống xe để đuổi đánh nhóm H1. H1 đang ngồi trên xe với Th3 thấy vậy thì xuống xe, xông lại thì bị một người trong nhóm của T chạy tới chém một nhát vào mặt, còn Th3 điều khiển xe mô tô bỏ chạy. B chạy đến dùng tuýp sắt đánh liên tiếp hai cái vào người H1, H dùng chân đá hai cái vào người H1. Còn Siu H1 và Kh bỏ chạy được khoảng 30 m, thì bị nhóm của T đuổi kịp, Tr dùng chân đạp làm Siu H1 ngã xuống đường và bị V dùng tay kẹp cổ rồi đánh vào mặt H1, N cũng xông vào đánh H1. Còn Kh thì chạy đến ngồi lên sau xe mô tô do Th3 điều khiển bỏ chạy.

Tại thời điểm này, thấy người dân hai bên đường chạy ra đông, nên T lên xe ô tô bấm còi ra tín hiệu cho cả nhóm quay lại xe ô tô rồi bắt, giữ đưa Siu H1 lên xe. Khi giữ Siu H1 trên thùng xe ô tô, do vẫn còn bức tức về việc K bị chém, V dùng tay, chân đánh H1, còn T điều khiển xe ô tô đưa H1 đến đoạn đường bê tông gần mương thủy lợi, thuộc tổ dân phố 12, thị trấn P1 (khoảng cách 5,3 km trong thời gian khoảng 10 phút) rồi đưa H1 xuống bên đường. T dùng chân đá, làm H1 ngã ngửa ra đường, T lấy ống tuýp sắt ở trên thùng xe ô tô tiếp tục đập 4 - 5 cái vào người H1. V, L và H cũng xông vào đánh làm H1 nằm gục tại chỗ. Sau đó, T điều khiển xe ô tô chở cả nhóm về nhà số 53 Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1. Lúc này, B đã gom tất cả hung khí cất giấu tại nhà trọ, còn T điều khiển xe ô tô tải trả cho anh Tám.

Sau khi bỏ Siu H1 tại đường bê tông gần mương thủy lợi, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr điều khiển xe mô tô quay lại khu vực tổ dân phố 9 để xem H1 thế nào, thì gặp Kiều Đức L7 đang điều khiển xe ô tô chở Lê Trọng L5 và Phạm Thanh T8 đi Pleiku để thăm K. Lâm hỏi thì Tr trả lời đã bắt được H1 đưa lên xe ô tô đem đi đánh và bỏ lại ở mương thủy lợi. Do sợ H1 bị đánh sẽ chết, vì trời đang mưa lạnh nên Lâm bảo Đ và Tr chở H1 đi cấp cứu. Sau đó, Lâm điều khiển xe ô tô chở Linh và L đi tiếp. Khi đến cây xăng Ân Phụng, thì T điện thoại nói Linh quay lại lấy đồ

cho K. Lâm quay xe lại gặp T và nói T lên xe ô tô đi cùng đến nương thủy lợi để đưa H1 đi cấp cứu, nhưng trên đường đi thì thấy Tr đang điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau đưa H1 vào cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P1, nên Lâm điều khiển xe ô tô quay lại thị trấn P1 để T xuống xe. Sau đó, K điều khiển xe đi đón Lê Văn An và Phạm Sĩ V đi lên thành phố Pleiku để thăm K. Đến 04 giờ 40 phút ngày 08-8-2020, Văn Đức Siu H1 bị chết.

Đối với Ksor H1, sau khi bị nhóm của Nguyễn Văn T dùng dao chém gây thương tích nằm gục tại hiện trường, thì được Công an huyện P1 đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P1 và ngày 11-8-2020, thì H1 xuất viện. Riêng Ksor Th3 điều khiển xe mô tô chở Rmah Kh chạy thoát về nhà. Do Kh bị thương, nên được gia đình đưa đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện P1, đến ngày 11-8-2020, thì Kh xuất viện.

Ngày 10-8-2020, Trần Hữu B, Phạm Sĩ V, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr đến Công an đầu thú. Ngày 16-8-2020, Nguyễn Văn T đến Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 54/20/TT ngày 20-8-2020, Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận nguyên nhân chết của anh Văn Đức Siu H1:

Anh Văn Đức Siu H1 bị chết do mất máu cấp do vỡ lách/Đa chấn thương gây xương sườn 7-8 + Vỡ lách phức tạp.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 09-20/MBH ngày 20-8-2020, Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai kết luận:

Anh Văn Đức Siu H1 bị tổn thương phổi, sung huyết và xuất huyết cục bộ do ngoại lực. Tổn thương nứt, vỡ lách phức tạp do ngoại lực.

Tại Kết luận giám định số 1066/C09C-Đ1 ngày 16-10-2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

Vật bằng kim loại, gỗ có hình dáng giống thân và báng súng với đoạn ống kim loại gửi giám định lắp được thành khẩu súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, hiện tại khẩu súng còn sử dụng được và thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn; trên súng không có ký tự đóng chìm; hai viên hình trụ gửi giám định là đạn tự chế loại đạn ghém cỡ 12, hiện tại còn sử dụng được nên thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 35/CN-TT ngày 03-9-2020, Bệnh viện Quân y 211 xác nhận thương tích của Phạm Cao K: CT Scanner sọ não: Không thấy hình ảnh dập não, không thấy máu tụ nội sọ; không phù não, đường giữa thẳng; hình vỡ xương hộp sọ vùng trán bên trái #25 mm, vỡ trần hốc mắt bên trái, vỡ thành dưới trong hốc mắt bên trái, gãy thành trước xoang hàm bên trái.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 420/CN-TT ngày 03-9-2020, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai xác nhận thương tích của Ksor H1: Chụp CT Scanner sọ não kết luận: Không phát hiện bất thường về đậm độ nhu mô não; hình ảnh vỡ xương tháp mũi, xương sàng hốc mắt và xoang hàm bên phải + tụ dịch xoang hàm phải.

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 11-8-2020, Bệnh viện Trung tâm y tế huyện P1 xác nhận thương tích của Rmah Kh: Chụp CT Scanner sọ não kết luận:

Da niêm hồng, vùng đỉnh đầu (T) có vết thương rách da, chảy máu, bờ gọn, kích thước (01 x 05) cm; vùng cằm có vết thương rách da, chảy máu, bờ gọn kích thước (01 x 03) cm; vùng mạn sườn (T) có vết trầy xước da, rỉ máu, kích thước (0,5 x 06) cm; tim nhịp đều, phổi không ran, bụng mềm.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình Nguyễn Văn T, Trần Hữu B, Phạm Sĩ V, Nguyễn Tấn N, Siu D, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr đã bồi thường cho gia đình bị hại Văn Đức Siu H1, với tổng số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu đồng), gồm tổn thất tinh thần, chi phí điều trị, mai táng và trợ cấp nuôi con (mỗi gia đình 30.000.000 đồng).

Bà Siu H' Linh (mẹ ruột của Văn Đức Siu H1) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 24-8-2021, Tòa án nhân dân tỉnh gia Lai:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Sĩ V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr phạm tội: “Giết người” và “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Các bị cáo Trần Hữu B, Siu D phạm tội “Giết người”, “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Gây rối trật tự công cộng”.

Các bị cáo Phạm Cao K, Ksor H1 và Rmah Kh phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: **Nguyễn Văn T** 19 (**mười chín**) năm tù về tội “Giết người” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Nguyễn Văn T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **21** (hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-8-2020.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

2.1. Trần Hữu B 15 (**mười lăm**) năm tù về tội “Giết người”, 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Trần Hữu B** phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là **19** (mười chín) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

2.2. Siu D (tên gọi khác: Vít) 13 (**mười ba**) năm tù về tội “Giết người”, 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (**ba**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc **Siu D** phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là **17** (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

3.1. Phạm Sĩ V 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Phạm Sĩ V** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (**mười lăm**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.2. Nguyễn Tấn N 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Nguyễn Tấn N** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (**mười lăm**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.3. Nguyễn Đức L 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Nguyễn Đức L** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (**mười lăm**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.4. Nguyễn Thanh H 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Nguyễn Thanh H** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (**mười ba**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.5. Dương Quang Đ 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Dương Quang Đ** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (**mười ba**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Dương Quang Tr 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc **Dương Quang Tr** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (**chín**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

5.1. Ksor H1 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành hình án.

5.2. Rmah Kh 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 91, Điều 101; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạm Cao K 03 (ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26-8-2021, ngày 30-8-2021, ngày 01-9-2021 và ngày 03-9-2021, các bị cáo Trần Hữu B, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Hữu B, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đều đề nghị giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất với bản án sơ thẩm về tội danh đối với các bị cáo, nhưng cho rằng mức án mà Tòa án áp dụng là quá nghiêm khắc, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Trần Hữu B, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr không tranh luận bổ sung, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Nguyên nhân của mâu thuẫn là xuất phát từ nhóm của Rmah Kh, Ksor H1 và anh Văn Đức Siu H1 với nhóm của Phạm Cao K, Trần Hữu B và Siu D. Do đó, hai bên đã có hành vi dùng dao, gậy... đuổi đánh nhau trên đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn P1 làm cho Phạm Cao K bị thương tích và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân y 211 tỉnh Gia Lai .

Khi Nguyễn Văn T biết Phạm Cao K bị nhóm của Ksor H1 gây thương tích, T

đã rủ Trần Hữu B, Siu D, Phạm Sĩ V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr rồi T chuẩn bị xe ô tô và hung khí như dao rựa, tuýp sắt, mã tấu đi tìm nhóm Ksor H1 để đánh trả thù cho K. Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 08-8-2020, nhóm của T gặp Ksor H1, Rmah Kh, Ksor Th3 và Văn Đức Siu H1, thì T điều khiển xe ô tô tông vào xe mô tô của nhóm Ksor H1, sau đó cả nhóm của T nhảy xuống xe đuổi đánh nhóm Ksor H1. Sau khi bắt được anh Văn Đức Siu H1, nhóm của T dùng tay, chân đánh anh H1 và bắt anh H1 lên xe ô tô, đưa anh H1 đến đập tràn cổng chào Chư Phong (thuộc tổ dân phố 12, thị trấn P1). Tại đây, cả nhóm tiếp tục đánh đập; hậu quả, anh Văn Đức Siu H1 bị chết do “*Mất máu cấp do vỡ lách/ Đa chấn thương gây xương sườn 7-8 + Vỡ lách phức tạp*”.

Với các hành vi phạm tội như đã nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kết án các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Sĩ V, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr về tội “Giết người” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; kết án các bị cáo Trần Hữu B, Siu D về tội “Giết người”, tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 157 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và kết án các bị cáo Phạm Cao K, Ksor H1 và Rmah Kh về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Chỉ vì mâu thuẫn rất nhỏ nhặt, nhưng Nguyễn Văn T đã gọi đồng bọn rồi chuẩn bị hung khí, phương tiện, sau đó tìm đánh nhóm của Ksor H1 để trả thù; hậu quả, anh Văn Đức Siu H1 bị chết. Hành vi của các bị cáo không những tước đoạt tính mạng của người khác, mà còn làm mất trật tự trị an địa phương và gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phương án, lên kế hoạch hành động từ trước, không phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, do đó chỉ mang tính chất giản đơn. Trong vụ án này, Nguyễn Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị phương tiện, hung khí cho các bị cáo khác phạm tội; đồng thời, T cũng là người dùng tuýp sắt và chân, tay trực tiếp đánh anh Văn Đức Siu H1 nhiều lần, nên là nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả anh H1 bị chết, do đó bị cáo giữ vai trò đầu vụ.

Đối với các bị cáo kháng cáo: Các bị cáo Trần Hữu B, Siu D, Nguyễn Tấn N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr không có mâu thuẫn với nhóm bị cáo Ksor H1, nhưng khi được Nguyễn Văn T rủ đi tìm nhóm Ksor H1 để đánh trả thù cho Phạm Cao K, các bị cáo đã đồng ý và tham gia thực hành một cách tích cực; hậu quả các bị cáo gây ra là làm cho bị hại bị chết, do đó cần phải xử phạt các bị cáo một hình phạt thật nghiêm khắc. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Trần Hữu B 19 năm 06 tháng tù, Siu D 17 năm tù về 03 tội (tội “Giết người”, tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Gây rối trật tự công cộng”); xử phạt Nguyễn Tấn N 15 năm tù, Nguyễn Đức L 15 năm tù, Nguyễn Thanh H 13 năm tù, Dương Quang Đ 13 năm tù và Dương Quang Tr 09 năm 06 tháng tù, về 02 tội (tội “Giết người” và tội

“Bắt, giữ người trái pháp luật”) là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

- Đối với các bị cáo Trần Hữu B, Nguyễn Tấn N và Siu D kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, với hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm nhiều tội, thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài là điều cần thiết. Có như vậy mới đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho các bị cáo này.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr là đồng phạm tham gia trong vụ án với vai trò là những người giúp sức; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa phúc thẩm được đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm hình phạt; đối với bị cáo Dương Quang Tr trước khi phạm tội, bị cáo đã tích cực giúp đỡ Công an huyện P1, tỉnh Gia Lai trong việc tố giác tội phạm tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy (được Công an huyện P1 xác nhận) và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tr đã cùng với bị cáo Dương Quang Đ tích cực đưa bị hại đi cấp cứu. Ngoài ra, các bị cáo này đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn (được chính quyền địa phương xác nhận). Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giảm hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách nhân đạo của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu B, Nguyễn Tấn N và Siu D.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Hữu B, Nguyễn Tấn N và Siu D.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 24-8-2021 của Tòa án

nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr.

3. Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Trần Hữu B** 15 (**mười lăm**) năm tù về tội “Giết người”, 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc Trần Hữu B phải chấp hành hình phạt chung là **19** (mười chín) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Siu D** (tên gọi khác: Vít) 13 (**mười ba**) năm tù về tội “Giết người”, 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (**ba**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt của ba tội, buộc Siu D phải chấp hành hình phạt chung là **17** (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Nguyễn Tấn N** 14 (**mười bốn**) năm tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Nguyễn Tấn N phải chấp hành hình phạt chung là 15 (**mười lăm**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Nguyễn Đức L** 12 (**mười hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Nguyễn Đức L phải chấp hành hình phạt chung là 13 (**mười ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Nguyễn Thanh H** 10 (**mười**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Nguyễn Thanh H phải chấp hành hình phạt chung là 11 (**mười một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Dương Quang Đ** 10 (**mười**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người” và 01 (**một**) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Dương Quang Đ phải chấp hành hình phạt chung là 11 (**mười một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

3.7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 157; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- **Dương Quang Tr** 07 (**bảy**) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Dương Quang Tr phải chấp hành hình phạt chung là 07 (**bảy**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-8-2020.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Trần Hữu B, Nguyễn Tấn N và Siu D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh H, Dương Quang Đ và Dương Quang Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Gia Lai;
(08 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường